

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 08-5-2018

V/v: “*Tranh chấp về biểu (hội)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về biểu (hội)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Dương Hồng Phụng A**; địa chỉ: Tổ 22, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: Tổ 23, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà **Trần Thị V**; địa chỉ: Tổ 22, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Bà **Trần Thị N**; địa chỉ: Tổ 17, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3. Bà **Trần Thị Minh D**; địa chỉ: Tổ 14, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Bà **Võ Thị P**; địa chỉ: Tổ 14, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.5. Bà **Lê Thị Kim L**; địa chỉ: Tổ 9, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.6. Bà **Nguyễn Thị Thanh T1**; địa chỉ: Tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.7. Bà **Nguyễn Thị K**; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.8. Bà **Lê Thị Tuyết N1**; địa chỉ: Số 226 Nguyễn Trãi, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà A và bà N có mặt; các bà T, V, D, P, L, T1, K, N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-9-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-10-2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A trình bày:

Qua quan hệ làm ăn quen biết, ngày 20-8-2016 (âm lịch) bà cùng với bà Nguyễn Thị T và một số người khác thỏa thuận góp hội. Qua thỏa thuận, 12 người tham gia góp hội thống nhất cử bà đứng ra làm chủ hội. Mọi người trong dây hội cùng thỏa thuận thống nhất dây hội kéo dài 12 tháng, bắt đầu góp hội từ tháng 8-2016 (âm lịch) đến tháng 6-2017 (tháng 6 nhuận, âm lịch). Thời gian góp hội là vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng. 12 người trong dây hội tự quyết định số chân hội mà mình tham gia góp, mỗi chân hội góp 1.000.000đồng/tháng, thành viên được lĩnh hội phải trả lãi cho các thành viên khác là 120.000đồng/01 chân hội. Theo đó, mỗi chân hội chưa hót thì phải nộp cho bà 880.000đồng vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng, nếu đã hót hội thì phải nộp cho bà đủ 1.000.000đồng cho mỗi chân hội đã hót vào ngày 20 (âm lịch) của những tháng tiếp theo cho đến khi kết thúc dây hội. Khi hót hội thì người được hót phải nộp lại cho bà (chủ dây hội) số tiền 220.000đồng. Bà Nguyễn Thị T đã đăng ký góp 16 chân hội. Trong quá trình tham gia dây hội nói trên, bà T đã hót hội 03 lần, tổng cộng bà T đã hót đủ 16 chân hội mà bà T đã đăng ký, cụ thể:

- Ngày 20-8-2016 (âm lịch): Bà T hót 06 chân hội, tương ứng với số tiền hội mà bà T đã lĩnh là 62.760.000đồng;

- Ngày 20-9-2016 (âm lịch): Bà T hót 05 chân hội, tương ứng với số tiền hội mà bà T đã lĩnh là 52.900.000đồng;

- Ngày 20-10-2016 (âm lịch): Bà T hót 05 chân hội, tương ứng với số tiền hội mà bà Trang đã lĩnh là 53.500.000đồng.

Trong 03 tháng đầu, bà T nộp tiền hội đúng hạn và đầy đủ như thỏa thuận. Kể từ tháng 11-2016 (âm lịch), sau khi đã hót đủ 16 chân hội thì bà T liên tục nộp không đủ số tiền hội như đã thỏa thuận, sau đó bà T tìm cách lẩn tránh và hoàn toàn không nộp tiền hội cho bà, cụ thể: Ngày 20-11-2016 (âm lịch) bà T nộp 9.000.000đồng tiền hội, còn nợ 7.000.000đồng; ngày 20-12-2016 (âm lịch) bà T nộp 9.000.000đồng tiền hội, còn nợ 7.000.000đồng; ngày 20-01-2017 (âm lịch) bà T nộp 5.000.000đồng tiền hội, còn nợ 11.000.000đồng; ngày 20-02-2017 (âm lịch) bà T nộp 11.000.000đồng tiền hội, còn nợ 5.000.000đồng; ngày 20-3-2017 (âm lịch) bà T nộp 4.500.000đồng tiền hội, còn nợ 11.500.000đồng; từ ngày 20-4-2017 (âm lịch) đến ngày 20-6-2017 (tháng 6 nhuận, âm lịch) thì bà T hoàn toàn không nộp tiền hội cho bà, mỗi tháng bà T nợ 16.000.000đồng.

Khi bà T không nộp đủ tiền hội cho bà thì bà T xin nhận nợ và có viết, ký tên vào sổ hội do bà quản lý. Tuy nhiên, từ kỳ hội ngày 20-4-2017 (âm lịch) trở đi, bà T

hoàn toàn không nộp tiền hối, tránh mặt không chịu gặp bà nên bà phải tự ghi sổ tiền hối mà bà nộp thay cho bà T vào sổ hối.

Do bà T không nộp đủ tiền hối cho bà nên bà phải nộp thay số tiền hối mà bà T không nộp. Tổng số tiền hối mà bà đã nộp thay cho bà T là 105.500.000đồng. Bà đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền hối mà bà đã nộp thay cho bà T nhưng bà T luôn tìm cách né tránh, không chịu trả cho bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền hối mà bà đã nộp thay cho bà T với tổng số tiền là 105.500.000đồng, bà không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người làm chứng không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 78 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Dương Hồng Phượng A số tiền 105.500.000đồng. Đối với tiền lãi do bà A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại Tổ 23, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình tham gia dây hối ngày 20-8-2016 (âm lịch) do bà Dương Hồng Phượng A làm chủ hối, bà T đã vi phạm nghĩa vụ, không tiếp tục góp tiền hối đúng theo thỏa thuận nên bà A phải nộp thay số tiền hối mà bà T không nộp. Hiện nay bà T đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bà A biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Tranh chấp về biếu (hối)” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị

đơn bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với số tiền nợ hội: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Nguyễn Thị T, trong đó có nêu rõ số tiền nợ hội mà nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A yêu cầu bà T phải trả nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, trình bày của những người làm chứng là những người tham gia trong dây hội ngày 20-8-2016 (âm lịch) do bà A làm chủ hội và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị T có tham gia dây hội ngày 20-8-2016 (âm lịch) do bà Dương Hồng Phượng A làm chủ hội. Dây hội này kéo dài 12 tháng và có 12 người tham gia, những người này tự quyết định số chân hội mà mình tham gia góp. Những người tham gia dây hội nói trên thống nhất thỏa thuận mỗi tháng 01 chân hội sẽ góp số tiền 1.000.000đồng, người nào hốt hội sẽ phải trả cho những chân hội khác số tiền lãi là 120.000đồng/01 chân hội và trả cho chủ hội số tiền 220.000đồng/01 chân hội. Theo đó, mỗi chân hội chưa hốt thì phải nộp cho bà A 880.000đồng, nếu đã hốt hội thì mỗi chân hội phải nộp cho bà A đủ 1.000.000đồng vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng.

Trong dây hội nói trên, bà Nguyễn Thị T đã đăng ký tham gia 16 chân hội và đã hốt đầy đủ 16 chân hội mà bà đã đăng ký với tổng số tiền hội đã lãnh là 169.160.000đồng. Tuy nhiên, sau khi đã hốt hội xong thì bà T không nộp tiền hội đầy đủ theo thỏa thuận và từ kỳ hội ngày 20-4-2017 (âm lịch) trở đi, bà T hoàn toàn không nộp tiền hội cho bà A. Do bà T không nộp và nộp không đầy đủ số tiền hội theo thỏa thuận nên chủ hội là bà Dương Hồng Phượng A phải nộp thay số tiền hội mà bà T không nộp với tổng số tiền là 105.500.000đồng. Việc bà T không thực hiện việc nộp tiền hội cho bà A theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 25 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ. Bà A là chủ hội nên đứng ra nộp thay phần hội mà bà T không nộp là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ. Do đó, việc bà Dương Hồng Phượng A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền hội 105.500.000đồng mà bà A đã nộp thay cho bà T là phù hợp với quy định tại Điều 28 và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn bà Dương Hồng Phượng A không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $105.500.000\text{đồng} \times 5\% = 5.275.000\text{đồng}$.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 40, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Hồng Phụng A.
2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Hồng Phụng A số tiền 105.500.000đồng (một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng).
3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.275.000đồng (năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
Bà Dương Hồng Phụng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Dương Hồng Phụng A số tiền tạm ứng án phí 2.637.500đồng (hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001748 ngày 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.
5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong